

Bản án số: **02/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **12 - 5 - 2020**

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thanh Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** và ông **Nguyễn Thế Căn**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Huệ**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Cao Đức Hùng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX - ST ngày 03 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 05/QĐ-HPT ngày 24/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng Nh** - sinh năm 1987. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr** - sinh năm 1987. Vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

Điều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm Ch, xã Xuân H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Điều đăng ký tạm trú tại: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2019; bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày như sau:

Chị Nh và anh Tr chung sống với nhau từ năm 2008, đến năm 2009 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 02/02/2009. Sau khi kết hôn chị Nh và anh Tr chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Tr không lo kinh tế cho gia đình, thường xuyên đi uống rượu, đánh đập chị và chơi bài bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình khiến cho cuộc sống của mẹ con chị lâm vào tình trạng khó khăn. Ngoài ra

gần đây anh Tr còn sử dụng chất kích thích, chị Nh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Nay chị Nh xác định không còn tình cảm với anh Tr nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về tình cảm: Chị Nh đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.
- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 16/10/2009 cho anh Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nh sẽ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Anh Th, sinh ngày 01/01/2017 và Nguyễn Anh B, sinh ngày 01/01/2017 đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.
- Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về khoản nợ chung: Chị Nh xác định vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Tr nhưng anh Tr không tham gia tố tụng. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn Tòa án đã thực hiện tổng đạt nhiều lần và nhờ chính quyền địa phương hỗ trợ giao văn bản triệu tập cũng như thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Tr tham gia tố tụng nhưng anh Tr từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Các văn bản tố tụng trên đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về giao nhận văn bản, anh Tr biết thời gian tham gia tố tụng nhưng không chấp hành. Ngày 21/01/2020, cán bộ Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương lấy lời khai của anh Tr nhưng thời điểm lấy lời khai anh Tr không có nhà. Do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh Nguyễn Văn Tr.

Ngày 03/4/2020, Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa ngày 24/4/2020 nhưng đến thời gian mở phiên tòa anh Tr vẫn không có mặt tham gia tố tụng. Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập cho anh Tr vào ngày 12/5/2020 tiến hành xét xử nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nh đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Trích lục kết hôn (01 bản); giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); giấy khai sinh (03 bản sao); Đơn xin xác nhận ngày 14/10/2019; biên bản giao nhận (01 bản chính); Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (01 bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập là: Biên bản xác minh tại UBND xã H; biên bản về việc không lấy được lời khai của đương sự; biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Anh D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- + Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật;

+ Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Nh.

+ Về tình cảm: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Anh Th, sinh ngày: 01/01/2017 và Nguyễn Anh B, sinh ngày: 01/01/2017 đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Nguyễn Văn Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 16/10/2009 đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về các khoản nợ chung: Chị Nh xác định anh chị không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào nội dung trình bày, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Văn Tr là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Tr nên thuộc trường hợp “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn anh Nguyễn Văn Tr có đăng ký tạm trú tại thôn x, xã H, thành phố M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố M là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần không tham gia tố tụng; Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo qui định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nh đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố

M; chị Nh đã thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho anh Tr thể hiện tại Biên bản giao nhận bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ ngày 01/10/2019.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành triệu tập 02 lần đối với anh Nguyễn Văn Tr và thực hiện giao gửi nhiều lần văn bản đối với anh Tr nhưng anh từ chối nhận nên Tòa án thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng qui định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Nh, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Nguyễn Văn Tr do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng không có biện pháp khắc phục, và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Về phía bị đơn Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Tr thực hiện quyền của mình, anh Tr biết nhưng không chấp hành, điều đó chứng tỏ ý thức tôn trọng pháp luật của anh Tr kém. Mặt khác cách cư xử của anh Tr như trên cho thấy bản thân anh tự khước từ quyền tham gia tố tụng và cũng không cần Tòa án tiến hành hòa giải tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 21/01/2020 thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do anh Tr ham chơi, không có sự lo toan suộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng xô xát đánh đập lẫn nhau; chị Nh đã về gia đình nhà ngoại ở từ tháng 10/2019. Đại diện địa phương thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không có biện pháp hàn gắn khắc phục, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em theo quy định.

Từ những chứng cứ do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng hoàn toàn do lỗi của anh Triệu. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nh; xử cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Chị Nh và anh Tr có 03 con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 16/10/2009; Nguyễn Anh Th, sinh ngày 01/01/2017 và Nguyễn Anh B, sinh ngày 01/01/2017. Hiện nay cháu D đang ở với anh Tr còn cháu Th, B đang ở với chị Nh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2020 của cháu Nguyễn Anh D, cháu có quan điểm: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố cháu là Nguyễn Văn Tr.

Yêu cầu của chị Nh là giao cho anh Tr nuôi con chung Nguyễn Anh D và chị Nh nuôi con chung Nguyễn Anh Th, Nguyễn Anh B. Xét yêu cầu của chị Nh là phù hợp, đảm bảo nguyện vọng của cháu D cũng như sự phát triển mọi mặt của các con chung.

Từ đó có cơ sở chấp nhận: Giao cho anh Nguyễn Văn Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 16/10/2009 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho con chung Nguyễn Anh Th, sinh ngày 01/01/2017 và Nguyễn Anh B, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nh không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản và các khoản nợ chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác nhận chị và anh Tr không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Nh về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

Do đó, Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 02/02/2009 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp không còn giá trị pháp lý

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 16/10/2009 cho anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao các con chung Nguyễn Anh Th, sinh ngày 01/01/2017

và Nguyễn Anh B, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị Hồng Nh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Nh đã nộp theo Biên lai thu tiền **số 0000073 ngày 06/12/2019** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. *Về quyền kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương